

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2018/DS-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Tâm;
2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 271/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V; trụ sở: Tháp BIDV, 35 H, quận H, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị P, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch L, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2018). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1973; thường trú: 86/25A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2018, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Thị P trình bày:

Ngày 15/9/2015 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V – Chi nhánh Đ (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Ngọc H cùng ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2015/1451876/HĐTD và bảng kê rút vốn/hợp đồng tín dụng cụ thể vay số tiền

620.000.000 đồng, thời hạn 84 tháng, mục đích sử dụng mua ô tô, lãi suất cho vay trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân 7,5%/năm, lãi suất cho vay thời gian tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của nhóm sản phẩm thứ nhất do Ngân hàng công bố tại thời điểm cho vay hoặc thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng (+) 3,5%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất tối thiểu và không vượt lãi suất tối đa do Ngân hàng công bố tại thời điểm cho vay hoặc thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng 01 lần kể từ ngày giải ngân lần đầu, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo khoản nợ trên, bà H và Ngân hàng ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1451876/HĐBĐ ngày 17/9/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô hiệu Honda CR-V2.0L màu nâu hồng do bà H đứng tên, số khung: 1835FY501430, số máy R20A59041426, biển số 61A-236.62. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 17/9/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H thực hiện trả nợ không đầy đủ như cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nhưng bà H không thực hiện và trốn tránh. Tính đến ngày 29/11/2018, bà H còn nợ Ngân hàng 506.742.958 đồng; trong đó: Nợ gốc 441.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 62.253.915 đồng và tiền lãi quá hạn 3.489.043 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 506.742.958 đồng; trong đó: Nợ gốc 441.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 62.253.915 đồng và tiền lãi quá hạn 3.489.043 đồng. Tiền lãi phát sinh sẽ được tiếp tục tính theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2015/1451876/HĐTD kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

- Về phía bị đơn, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, giấy triệu tập tham gia đối chất, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết, đồng thời yêu cầu bà H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng bà H không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập bà Trần Ngọc H tham gia đối chất vào ngày 05/10/2018 và ngày 23/10/2018 nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành đối chất được. Vào ngày 23/10/2018, Tòa án triệu tập bà Trần Ngọc H tham gia phiên hòa giải, nhưng bà Huyền vắng mặt không có lý do, đồng thời người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn từ chối hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được qui định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 12/11/2018 và ngày 29/11/2018 Tòa án mở phiên tòa nhưng bà Trần Ngọc H vẫn vắng mặt không có lý do; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn làm đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ bằng hình thức niêm yết công khai nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì. Vì vậy, bà Trần Ngọc H phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về nội dung: Xét hợp đồng tín dụng 01/2015/1451876/HĐTD ngày 15/9/2015 được giao kết giữa Ngân hàng với bà H đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền 278.205.280 đồng (trong đó tiền gốc 179.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 98.695.073 đồng và tiền lãi quá hạn 131.814 đồng). Đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện, bà H không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn. Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền 506.742.958 đồng; trong đó: Nợ gốc 441.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 62.253.915 đồng và tiền lãi quá hạn 3.489.043 đồng. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, bảng kê rút vốn/hợp đồng tín dụng cụ thể, bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp, do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1451876/HĐBĐ ngày 17/9/2015 giữa Ngân hàng và bà H đã được ký kết giữa người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Theo đó, bà H đã dùng tài sản là xe ô tô hiệu Honda CR-V2.0L màu nâu hồng do bà H đứng tên, số khung: 1835FY501430, số máy R20A59041426, biển số 61A-236.62 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ. Bà H không thanh toán nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán nghĩa vụ trả nợ.

[4] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi bà H trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng 01/2015/1451876/HĐTD ngày 15/9/2015.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Ngọc H phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Án lệ số 08/2016/AL;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V đối với bị đơn bà Trần Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Trần Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 01/2015/1451876/HĐTD ngày 15/9/2015 là 506.742.958 (năm trăm lẻ sáu triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm năm mươi tám đồng) đồng; trong đó: Nợ gốc 441.000.000 (bốn trăm bốn mươi một triệu đồng) đồng, tiền lãi trong hạn 62.253.915 (sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi ba nghìn chín trăm mười lăm đồng) đồng và tiền lãi quá hạn 3.489.043 (ba triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi ba đồng) đồng.

Trường hợp bà Trần Ngọc H không thanh toán nợ, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/1451876/HĐBĐ ngày 17/9/2015.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi bà Trần Ngọc H trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2015/1451876/HĐTD ngày 15/9/2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Ngọc H phải chịu 24.269.718 (hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm mười tám đồng) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V 11.793.000 (mười một triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020023 ngày 27/8/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- CCTHA DS thị xã Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy

